

Số: **230/2017/QĐST- HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 216/2017/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T.**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Chị **Đặng Thị T.**, sinh năm 1987.

Đăng ký HKTT: Thôn B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 116, 117 – Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Nguyễn Văn T.** và chị **Đặng Thị T.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 04/3/2012 và Nguyễn Như N, sinh ngày 06/01/2016 cho chị Đặng Thị T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Văn T. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ 01tháng/01 con, tổng cộng 02 (hai) con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ 01 tháng cho đến khi các cháu L. và N. đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2017. Anh T. có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được phép cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Văn T. và chị Đặng Thị T. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về vay nợ chung:* Anh Nguyễn Văn T. và chị Đặng Thị T. xác định không vay nợ chung và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T. tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), Tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004890 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh T. đã nộp đủ tiền án phí của vụ án.

Chị Đặng Thị T. không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- UBND xã Đ. (để biết);
- Các đương sự (để TH);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến